

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/DS-ST

Ngày: 29-8-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đăng

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quốc Nin – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST - DS, ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 169, phố LĐ, phường HL, quận HM, HN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Tấn P – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng A huyện UM, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng A (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp 4, xã KT, huyện UM, tỉnh CM (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2019 và tại bản kê tính lãi ngày 28/8/2019 ông Sơn Tấn P đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A trình bày:*

Bà Trần Thị N có vay tại Ngân hàng A phòng giao dịch huyện U Minh cụ thể như sau:

Gói vay Xuất khẩu lao động theo hợp đồng tín dụng vào ngày 07/9/2005, số tiền gốc là 16.000.000 đồng, lãi suất vay 0,7%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,91%/tháng, phương thức trả tiền vay theo định kỳ hàng quý và đã gia hạn nợ, hạn trả vào ngày 13/12/2018 nhưng đến hạn trả bà N không trả, gói vay này tính đến ngày 29/8/2019 tiền gốc là 16.000.000 đồng và lãi suất là 16.151.893 đồng, tổng cộng là 32.151.893 đồng.

Gói vay chương trình Xuất khẩu lao động theo hợp đồng tín dụng vào ngày 26/10/2005, số tiền gốc là 16.000.000 đồng, lãi suất vay 0,7%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,91%/tháng, phương thức trả tiền vay theo định kỳ hàng quý và đã gia hạn nợ, hạn trả vào ngày 13/12/2018 nhưng đến hạn trả bà N không trả, gói vay này tính đến ngày 29/8/2019 tiền gốc là 16.000.000 đồng và lãi suất là 15.966.735 đồng, tổng cộng là 31.966.735 đồng.

Ngân hàng A yêu cầu bà Trần Thị N trả tiền gốc và lãi suất của 2 khoản vay với số tiền gốc là 32.000.000 đồng và lãi suất là 32.118.628 đồng, tổng cộng là 64.118.628 đồng.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2019 bà Trần Thị N trình bày:*

Bà N có vay của Ngân hàng A số tiền gốc là 32.000.000 đồng, chưa đóng lãi, do con bà đi xuất khẩu lao động bị tai nạn, gia đình gặp khó khăn nên không có tiền trả cho Ngân hàng. Bà N xin trả tiền gốc và xin không trả lãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định; việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết đề nghị áp dụng các Điều 463, 466, 468, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng chính sách, buộc bà Trần Thị N trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 32.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 29/8/2019 với số tiền là 32.118.628 đồng, tổng cộng

gốc và lãi là 64.118.628 đồng và lãi phát sinh sau ngày 29/8/2019 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N, địa chỉ cư trú ấp 4, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, trả tiền vay, xét đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A và bà Trần Thị N đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt Ngân hàng A và bà N theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ngân hàng A xác định bà Trần Thị N vay của Ngân hàng gói vay về chương trình xuất khẩu lao động: Gói thứ nhất số tiền gốc là 16.000.000 đồng, theo hợp đồng vay vào ngày 07/9/2005; gói thứ hai số tiền gốc là 16.000.000 đồng, theo hợp đồng vay vào ngày 26/10/2005, tổng cộng tiền gốc là 32.000.000 đồng, hạn trả vào ngày 13/12/2018 nhưng bà N chưa thanh toán, Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán dứt điểm khoản tiền vay cho Ngân hàng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2019 bà N thừa nhận có vay số tiền gốc tại Ngân hàng chính sách xã hội là 32.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán nên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

Về lãi suất: Tính đến ngày 29/8/2019 đối với gói vay thứ nhất số tiền lãi là 16.151.893 đồng và gói tiền vay thứ hai lãi suất là 15.966.735 đồng, tổng cộng là 31.966.735 đồng. Nhận thấy, Ngân hàng yêu cầu bà N trả lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do đó, buộc bà Trần Thị N trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 32.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/8/2019 với số tiền là 31.966.735 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 64.118.628 đồng và lãi phát sinh sau ngày 29/8/2019 cho đến khi bà N trả dứt điểm tiền vay.

[4] Về án phí:

- Ngân hàng A không phải chịu án phí, Ngân hàng được miễn nộp tạm ứng án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Thị N phải chịu trên số tiền phải trả cho Ngân hàng A là 64.118.628 đồng x 5% = 3.205.931 (Ba triệu hai

trăm lẻ năm nghìn chín trăm ba mươi một) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A về việc yêu cầu bà Trần Thị N trả tiền vay. Buộc bà Trần Thị N trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 32.000.000 và tiền lãi tính đến ngày 29/8/2019 là 31.966.735 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 64.118.628 (Sáu mươi bốn triệu một trăm mười tám nghìn sáu trăm hai mươi tám) đồng và lãi phát sinh sau ngày 29/8/2019 đến khi bà N trả xong tiền vay cho Ngân hàng A.

- Về án phí:

+ Ngân hàng A không phải chịu án phí, Ngân hàng được miễn nộp tạm ứng án phí.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Thị N phải chịu với số tiền là 3.205.931 (Ba triệu hai trăm lẻ năm nghìn chín trăm ba mươi một) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm Ngân hàng A và bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV &THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn

